

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

Số: 2990 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày 24 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp tại xã Hoa Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình (nay là xã Lệ Ninh, tỉnh Quảng Trị)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Linh Lân tại Công văn số 10/CV-LL ngày 07 tháng 7 năm 2026 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 984/TTr-SNNMT ngày 15 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp tại xã Hoa Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình (nay là xã Lệ Ninh, tỉnh Quảng Trị) (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Linh Lân, thực hiện tại xã Lệ Ninh, tỉnh Quảng Trị với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Linh Lân có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Chủ tịch UBND xã Lê Ninh và Giám đốc Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Linh Lâm; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PCVP Nguyễn Cửu;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT. *TC*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Nam

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp tại xã Hoa Thủy,
Huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình
(Nay là xã Lệ Ninh, tỉnh Quảng Trị).

(kèm theo Quyết định số 2990/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp tại xã Hoa Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình (nay là xã Lệ Ninh, tỉnh Quảng Trị).
- Địa điểm thực hiện: xã Lệ Ninh, tỉnh Quảng Trị.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH xây dựng tổng hợp Linh Lân.

1.2. Quy mô, công suất

- Diện tích thực hiện dự án: 21.605 m².
- Ranh giới tọa độ khép góc của Dự án được giới hạn bởi 9 điểm có tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 106°, múi chiếu 3° như sau:

Điểm góc	Hệ tọa độ VN 2000 Kinh tuyến trực 106°, múi chiếu 3°	
	X(m)	Y(m)
1A	1.908.681,35	572.970,65
2	1.908.618,00	573.106,00
2A	1.908.525,88	573.064,44
2B	1.908.570,15	572.974,94
3A	1.908.550,80	572.966,20
3B	1.908.608,30	572.933,70
3C	1.908.560,34	572.893,70
4	1.908.578,00	572.858,00
4A	1.908.678,75	572.905,23

- Tổng trữ lượng khai thác: 160.993,6m³.
- Thời gian hoạt động của dự án: 5 năm.
- Công suất thiết kế: 35.000m³/năm.

1.3. Công nghệ khai thác:

- Quy trình khai thác: Mỏ khai thác bằng phương pháp khai thác lộ thiên, dùng máy xúc thủy lực gầu ngược mức lên xe tải và vận chuyển đến nơi tiêu thụ.
- Quy trình công nghệ khai thác như sau: mở vỉa → tạo diện khai thác → bóc xúc → vận chuyển đến nơi tiêu thụ.

1.4. Phạm vi

1.4.1. Các hạng mục công trình

Đầu tư hoàn thiện các hạng mục công trình phụ trợ (nhà điều hành, nhà vệ sinh di động,...).

1.4.2 Các hoạt động của Dự án

- Hoạt động khai thác đất làm vật liệu san lấp gồm mở vỉa tạo diện khai thác, xúc bốc đất, vận chuyển đất đến nơi tiêu thụ.
- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên tại mỏ.
- Hoạt động vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm tại mỏ.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

Hoạt động của các máy móc thiết bị khai thác, vận chuyển; sinh hoạt của công nhân trên khai trường,... làm phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung, nước thải, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn vận hành dự án:

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô và tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân trong khu vực với tổng lượng phát sinh khoảng $6m^3/ngày$. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Tổng chất rắn lơ lửng, BOD_5 , COD, Sunfua, Amoni, dầu mỡ động, thực vật, chất hoạt động bề mặt, tổng N, tổng P, tổng Coliforms.

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn trên bề mặt khu vực khai thác. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: chất rắn lơ lửng, dầu mỡ khoáng.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động khai thác, bốc xúc; từ các phương tiện, thiết bị khai thác đất, trên các tuyến đường vận chuyển đất đến nơi tiêu thụ; mùi hôi, khí thải từ thùng đựng rác, khu vệ sinh; bụi phát sinh từ hoạt động bốc xúc, vận chuyển, san gạt trong quá trình trồng cây cải tạo phục hồi môi trường.... Thông số đặc trưng ô nhiễm: Tổng bụi lơ lửng, CO, SO_2 , NO_x ...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân trong khu vực Dự án với khối lượng khoảng $3,6kg/ngày$ đêm. Thành phần chủ yếu gồm: Rác thải hữu cơ (rau quả, thực phẩm thừa,...); rác thải vô cơ (bao nylon, vỏ lon, thủy tinh,...).

- Sinh khối phát sinh từ quá trình phát quang với khối lượng khoảng 21,4 tấn.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của dự án chủ yếu gồm: pin thải, ắc quy thải, bóng đèn huỳnh quang thải, dầu Diesel và dầu nhiên liệu thải, giẻ lau dính thành phần nguy hại,... Khối lượng chất thải này ước tính phát sinh khoảng 37 kg/năm.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh chủ yếu từ các phương tiện, thiết bị thi công khai thác và các phương tiện vận chuyển gây ra.

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Đối với nước thải sinh hoạt: Sử dụng nhà vệ sinh di động có dung tích 3.000 lít để thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải vệ sinh của công nhân tham gia lao động trên công trường, đảm bảo vệ sinh và mỹ quan khu vực. Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến hút, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định khi đầy bể, không xả thải ra môi trường. Sau khi kết thúc việc khai thác và cải tạo phục hồi môi trường, Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành bốc dỡ nhà vệ sinh di động.

- Quy trình: nước thải sinh hoạt → nhà vệ sinh lưu động → đơn vị chức năng hút, vận chuyển, xử lý khi đầy bể.

- Đối với nước mưa chảy tràn

+ Nước mưa theo hệ thống mương thoát nước dọc phạm vi khai khác theo từng năm ở phía Tây và phía Bắc, rộng 0,4m, sâu 0,4m, có bố trí các hố ga lắng cặn (dài 1,5m, rộng 1,5m, sâu 1,2m), đồng thời bố trí 03 hố lắng (rộng 3m, sâu 2m, dài 3m), để lắng cặn trước khi thoát ra vùng trũng thấp ở phía Bắc.

+ Thu gom dầu mỡ bôi trơn tại khu vực bảo quản máy móc, thiết bị, phương tiện theo quy định về thu gom, xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư 07/2025/TT-BTNMT và các quy định liên quan, tuyệt đối không để chảy tràn ra công trường.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom và xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong giai đoạn khai thác và cải tạo phục hồi môi trường đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Sử dụng các phương tiện khai thác, vận chuyển được đăng kiểm định kỳ bởi cơ quan có chức năng;

- Thường xuyên kiểm tra, định kỳ bảo dưỡng các thiết bị máy móc để hạn chế khí phát thải và tiếng ồn;
- Đảm bảo tốc độ lưu thông của xe vận chuyển theo quy định;
- Trang bị đầy đủ các bảo hộ lao động như áo quần, mũ, khẩu trang, giày bảo hộ,... cho công nhân làm việc trực tiếp tại công trường khai thác;
- Không khai thác đất vào những thời điểm gió Tây Nam, Đông Bắc hoạt động mạnh để hạn chế đất bị khuếch tán ra môi trường xung quanh;
- Tiến hành phun ẩm khu vực khai thác với tần suất phun ẩm phù hợp tùy thuộc vào điều kiện thời tiết, tăng tần suất phun ẩm vào những ngày thời tiết nắng to, khô hanh, nhiều gió;
- Sử dụng bạt che phủ kín thùng xe, không chở đất cao quá thùng xe để hạn chế khả năng rơi vãi gây ảnh hưởng đến môi trường và dân cư xung quanh, người tham gia giao thông;
- Bố trí công nhân thu dọn đất rơi vãi dọc tuyến đường vận chuyển;
- Sắp xếp lịch vận chuyển hợp lý để tránh tập trung các xe vận chuyển đất vào cùng một thời điểm gây bụi;
- Yêu cầu bảo vệ môi trường: Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi Dự án, đáp ứng các điều kiện về vệ sinh môi trường, QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 03 thùng rác di động 50 lít có nắp đậy tại khu vực lán trại của công nhân để thu gom, phân loại chất thải phát sinh và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển đi xử lý hằng ngày theo đúng quy định. Tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cán bộ, công nhân, không vứt rác bừa bãi mà tự phân loại thu gom để vào các thùng chứa rác theo quy định.
- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ quá trình phát quang: tận dụng phần thân gỗ lớn. Đối với phần không tận dụng được thì hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển đi xử lý.
- Yêu cầu bảo vệ môi trường: Thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn thông thường phát sinh của Dự án bảo đảm các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Các loại chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu trữ trong các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng dung tích 120 lít có nắp đậy kín, đảm bảo không rò rỉ, không phát tán ra môi trường.
- Các thùng chứa được lưu giữ trong kho chứa chất thải nguy hại đặt trong nhà kho bên cạnh lán trại có diện tích 6m². Kho chứa chất thải nguy hại có mái che, tường bằng tôn, có biển cảnh báo khu vực chứa chất thải nguy hại.
- Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng về thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại để định kỳ đưa đi xử lý theo đúng quy định.
- Giảm thiểu tối đa việc sửa chữa máy móc tại khu vực Dự án.
- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ CTNH và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại CTNH trong quá trình hoạt động của Dự án bảo đảm các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng các máy móc, phương tiện đã được đăng kiểm định kỳ nhằm đảm bảo tiếng ồn, độ rung nằm trong giới hạn cho phép;
- Chú trọng chế độ bảo dưỡng thiết bị, máy móc bảo đảm các yêu cầu về cân bằng thiết bị nhằm hạn chế khả năng gây ồn, rung do thiết bị khai thác và vận chuyển sinh ra;
- Bố trí lịch khai thác hợp lý cho các đơn vị, tổ, nhóm công nhân, nhất là ở các vị trí gây ồn lớn nhằm hạn chế các tác động đến sức khỏe công nhân;
- Công nhân làm việc ở những vị trí có độ ồn lớn phải được trang bị mũ hoặc nút tai chống ồn nhằm đảm bảo yêu cầu về môi trường làm việc;
- Không tập trung phương tiện vận chuyển vào cùng một thời gian, nhất là thời gian nhạy cảm để giảm thiểu tác động của tiếng ồn đến môi trường sống của cư dân hai bên tuyến đường vận chuyển;
- Đối với các xe vận chuyển: Yêu cầu các lái xe phải chạy đúng tốc độ quy định, thực hiện đúng quy định về trọng tải cho phép và các quy định về an toàn giao thông; giảm tốc độ và không sử dụng còi hơi khi đi qua các khu vực tập trung đông dân cư.
- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ

thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường:

a. Phương án được lựa chọn thực hiện và danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường

- Đối với moong khai thác: Sau khi kết thúc khai thác vào năm thứ 5 tiến hành san gạt tạo mặt bằng trên toàn bộ diện tích đáy moong, tiến hành đào hố trồng cây keo lá tràm mật độ 2.500 cây/ha. Đối với bờ mỏ, mái taluy sẽ tiến hành trồng cỏ gia cố bờ mỏ hạn chế khả năng xói lở.

- Đối với hệ thống thoát nước mưa: Nạo vét rãnh thoát nước và các hố lắng để lại phục vụ thoát nước mặt của khu vực.

- Cải tạo tuyến đường vận tải: Tu sửa lu lèn lại mặt đường.

- Vận chuyển tất cả các thiết bị, nhà điều hành, nhà vệ sinh di động ra khỏi khu vực mỏ.

- Đo vẽ bản đồ địa hình kết thúc khai thác.

b. Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường:

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là 385.509.000 đồng (*ba trăm tám mươi lăm triệu năm trăm linh chín nghìn đồng*).

- Chủ dự án thực hiện ký quỹ như sau:

+ Số lần ký quỹ: 5 lần.

+ Số tiền ký quỹ lần đầu là 96.377.250 đồng (*chín mươi sáu triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi đồng*).

+ Số tiền ký quỹ mỗi năm tiếp theo là 72.282.938 đồng/năm (*bảy mươi hai triệu hai trăm tám mươi hai nghìn chín trăm ba mươi tám đồng*). (Số tiền nêu trên chưa tính đến yếu tố trượt giá về số tiền ký quỹ trong các năm tiếp theo sau năm 2026)

+ Số tiền trượt giá hàng năm được Chủ dự án tự kê khai và nộp cùng với số tiền ký quỹ hàng năm của Dự án.

- Thời điểm ký quỹ: sau khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản, Chủ dự án thực hiện ký quỹ lần đầu trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ. việc ký quỹ lần thứ hai trở đi phải thực hiện trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường Quảng Trị.

4.4.2. Các công trình, biện pháp khác

- Thường xuyên gia cố mái taluy, kiểm tra, giám sát để kịp thời phát hiện hiện tượng trượt, sạt lở để có biện pháp ứng phó kịp thời.

- Lập kế hoạch phòng chống mưa bão trong quá trình khai thác, chủ động bố trí nhân lực, tập huấn và trao đổi kinh nghiệm trong phòng chống mưa bão, dự trữ thêm vật tư sửa chữa, phương tiện bảo vệ cá nhân, áo phao, dây neo...

- Lập phương án phòng ngừa và ứng phó đối với các sự cố môi trường, an toàn lao động trong quá trình hoạt động của dự án (sự cố liên quan tới trượt lở móng khai thác, sự cố cháy nổ, sét...)

- Trang bị đầy đủ phương tiện, thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân khai thác lộ thiên.

- Tổ chức tập huấn, huấn luyện cho toàn bộ công nhân viên về kỹ thuật an toàn trong khai thác mỏ, an toàn lao động.

- Thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường khai thác đảm bảo không để nước đọng, gây ngập úng.

- Lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, sự cố cháy, nổ và các rủi ro, sự cố môi trường khác trong toàn bộ quá trình hoạt động của Dự án.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

Chủ dự án đề xuất chương trình quản lý và giám sát môi trường của Dự án như sau:

5.1. Chương trình quản lý môi trường

Chủ dự án xây dựng chương trình quản lý môi trường chi tiết của Dự án đảm bảo thực hiện các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường nêu tại mục 4 Phụ lục của Quyết định này và tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai thực hiện Dự án.

5.2. Giám sát môi trường

5.2.1. Giám sát chất lượng không khí

- Chỉ tiêu giám sát: bụi, SO₂, NO₂, CO.
- Vị trí giám sát: tại khu vực dự án.
- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần, khi có sự cố, hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

5.2.2. Giám sát công tác thu gom và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thông số giám sát: Khối lượng, chủng loại và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên và liên tục.

- Quy định áp dụng: Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT.

5.2.3. Giám sát các vấn đề môi trường khác

- Vị trí giám sát: Toàn bộ khu vực Dự án.
- Nội dung giám sát: Các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.
- Tần suất giám sát: Thường xuyên và liên tục.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác như sau:

- Chỉ được phép triển khai Dự án sau khi được cấp có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác và các thủ tục đất đai theo đúng quy định của pháp luật.
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường như đã cam kết trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường để giảm thiểu tối đa ô nhiễm bụi, tiếng ồn, độ rung, khí thải, mùi hôi, nước thải, nước mưa chảy tràn, chất thải nguy hại và chất thải rắn phát sinh trong quá trình thực hiện dự án; đảm bảo không gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường và cộng đồng dân cư xung quanh.
- Đảm bảo sự phù hợp của Dự án với các quy hoạch có liên quan đã được phê duyệt; chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án.
- Tổ chức khai thác theo đúng toạ độ, diện tích, trữ lượng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép. Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan, bảo đảm các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.
- Bảo đảm an toàn và vệ sinh môi trường đối với dân cư, người lao động làm việc tại Dự án. Tuân thủ các quy định về môi trường; an toàn lao động; giao thông; vệ sinh công nghiệp; phòng chống cháy nổ; phòng chống sụt lún, sạt lở bờ moong; phòng chống mưa bão và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án; tăng cường việc theo dõi, giám sát nhằm hạn chế các sự cố mất an toàn và môi trường có thể xảy ra; khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra các sự cố phải dừng ngay các hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý kịp thời.

- Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.
- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường toàn bộ thiệt hại đối với môi trường và xã hội nếu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường xung quanh và gây ra sự cố môi trường./.